

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Bản án số: 228/2019/HNGĐ-ST
Ngày 15-3-2019
V/v tranh chấp ly hôn.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thúy Ái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Lợi;
2. Ông Thái Văn Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lua- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 15 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 111/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Hoàng Thị H, sinh năm: 1993 (Xin vắng mặt).

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 34/735, đường số 735, tổ 4, ấp S, xã T, huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: Xóm 3, xã H, huyện H, tỉnh N.

2. *Bị đơn:* Ông Lương Văn T, sinh năm: 1992 (Xin vắng mặt).

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 34/735, đường số 735, tổ 4, ấp S, xã T, huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai nộp ngày 17/01/2019, nguyên đơn là bà Hoàng Thị H trình bày:

Bà và ông Lương Văn T tự nguyện xây dựng gia đình vào tháng 02/2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Cử Chi.

Sau khi xây dựng gia đình, vợ chồng bà chung sống bên gia đình chồng tại xã T, huyện Cử Chi. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống. Ông T thường hay tụ tập bạn bè nhậu nhẹt, mỗi lần say xỉn là đánh đập bà, ông T cũng không quan tâm đến cuộc sống của bà và 02 con, để mặc bà xoay sở mọi thứ. Bà đã cố gắng khuyên nhủ, nói chuyện với ông T và gia đình

chồng nhưng ông T không thay đổi, do quá mệt mỏi bà đã về nhà mẹ ruột ở tỉnh N sinh sống từ năm 2016 cho đến nay, hai bên cũng đã ly thân từ đó. Bà nhận thấy bà và ông T không còn quan tâm đến nhau, tình cảm không còn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn.

Bà và ông T có 02 con chung tên Lương Hoàng Kim Y, sinh ngày 25/10/2013 và Lương Hoàng Trà M, sinh ngày 22/11/2017, bà yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Bà và ông T không có tài sản chung và cũng không nợ nần ai.

* Tại bản tự khai ngày 19/02/2019, bị đơn là ông Lương Văn T trình bày:

Ông và bà Hoàng Thị H tự nguyện xây dựng gia đình vào năm 2013, có đăng ký kết hôn như bà H trình bày.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại gia đình ba má ông, cuộc sống có hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra vào năm 2016, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, bà H tự ý dắt 02 con về quê vợ ở N, hai bên không còn liên lạc với nhau, nay bà H xin ly hôn ông đồng ý.

Ông và bà H có 02 con chung đúng như bà H trình bày, ông đồng ý giao 02 con cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, ông tự nguyện cấp dưỡng cho con mỗi cháu 1.000.000đ (Một triệu đồng)/tháng cho đến khi các cháu trưởng thành.

Ông và bà H không có tài sản chung và cũng không nợ nần ai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Tại đơn xin ly hôn nộp ngày 17/01/2019, bà Hoàng Thị H yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Củ Chi giải quyết cho bà ly hôn với ông Lương Văn T, yêu cầu nuôi 02 con chung, tài sản chung và nợ chung không có. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, ông T hiện cư trú tại số 34/735, đường số 735, tổ 4, ấp S, xã T, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi theo Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà Hoàng Thị H và ông Lương Văn T đều có đơn xin vắng mặt tại buổi xét xử nên Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành phiên Tòa vắng mặt bà H và ông T theo quy định tại Khoản 1 Điều 227 và Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Hoàng Thị H và ông Lương Văn T tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 26, quyển số 01/2013 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện Củ Chi cấp ngày 25/02/2013, đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét trình bày của bà H thì sau khi xây dựng gia đình, vợ chồng bà chung sống tại nhà cha mẹ chồng, cuộc sống thường xuyên xảy ra nhiều bất đồng, mâu thuẫn do ông T không quan tâm chăm sóc vợ con, để mặc bà xoay sở kinh tế trong gia đình, ông T còn thường xuyên nhậu nhẹt, đánh đập bà, vì đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng ông T không nghe, bà cảm thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà và ông T ly hôn.

Phía ông T thừa nhận thời gian đầu sau khi xây dựng gia đình, vợ chồng ông sống có hạnh phúc, mâu thuẫn xảy ra do hai bên bất đồng quan điểm, dẫn đến cãi vã, xô xát lẫn nhau, bà H đã về quê ở tỉnh N sinh sống, ông cảm thấy vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa nên đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà H.

Hội đồng xét xử xét hiện bà H và ông T không còn chung sống cùng chung một địa chỉ, do đó không cần thiết phải xác minh về tình trạng quan hệ hôn nhân của ông bà tại địa phương theo quy định tại Điều 208 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Xét tình trạng quan hệ vợ chồng giữa bà H và ông T đã đến mức trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài được, mục đích hôn nhân không đạt, căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn của bà H và ông T là có cơ sở.

-Về con chung: Bà H và ông T có 02 con chung tên Lương Hoàng Kim Y, sinh ngày 25/10/2013 và Lương Hoàng Trà M, sinh ngày 22/11/2017, bà H yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét cháu Kim Y và cháu Trà M hiện đang được bà H nuôi dưỡng, ông T cũng đồng ý giao 02 cháu cho bà H nuôi dưỡng, để ổn định tâm sinh lý của con chung, Hội đồng xét xử giao cháu Kim Y và Trà M cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Xét bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con, tuy nhiên ông Tiến tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.000.000đ (Một triệu đồng)/tháng, sự tự nguyện này không trái với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

-Về tài sản chung: Bà H và ông T trình bày không có.

- Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà H và ông T trình bày không có.

-Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xét buộc bà Hoàng Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và ông Lương Văn T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 146, Điều 227, Điều 228, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 9, Điều 51, Khoản 1 Điều 53, Điều 55, Điều 56 và Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của bà Hoàng Thị H và ông Lương Văn T.

Kể từ ngày 15/3/2019, Giấy chứng nhận kết hôn số 26, quyền số 01/2013 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/02/2013 cho bà Hoàng Thị H và ông Lương Văn T không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung:

Bà Hoàng Thị H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Lương Hoàng Kim Y, sinh ngày 25/10/2013 và Lương Hoàng Trà M, sinh ngày 22/11/2017.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lương Văn T về việc ông T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.000.000đ (Một triệu đồng)/tháng.

Bắt đầu thi hành từ tháng 3/2019 cho đến khi 02 con chung lần lượt đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, yêu cầu của cá nhân, tổ chức theo quy định tại Khoản 5 Điều 84, Khoản 2 Điều 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức trợ cấp cho việc nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Kể từ ngày bà H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông T chậm trả số tiền cấp dưỡng trên thì ông T còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về tài sản chung: Bà Hoàng Thị H và ông Lương Văn T trình bày không có.

4. Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà Hoàng Thị H và ông Lương Văn T trình bày không có.

5. Về án phí sơ thẩm:

- Bà Hoàng Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2017/0033910 ngày 18/01/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Củ Chi.

- Ông Lương Văn T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

Thi hành tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

6. Bà Hoàng Thị H và ông Lương Văn T vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- UBND xã T, huyện Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**